

Số: 239 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất
năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 41/TTr-STNMT ngày 21/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La. *wt*

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu và quy trình trình ban hành Kế hoạch khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu



KẾ HOẠCH

Khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số **239** /QĐ-UBND ngày **05** / **02** /2024 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm quản lý chặt chẽ toàn bộ quỹ đất trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch, phương án đưa quỹ đất vào khai thác sử dụng có hiệu quả, từ đó xác định được nguồn lực tài chính hàng năm thu được từ việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư (*giao đất, thuê đất*) để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh và để phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất, tạo ra quỹ đất để khai thác và phát triển quỹ đất, giải quyết nhu cầu về đất ở, tạo mặt bằng sạch để thu hút, đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị, tái định cư, thương mại, dịch vụ, dự án khu, cụm công nghiệp; góp phần đảm bảo việc quản lý, sử dụng đất tiết kiệm tài nguyên đất, góp phần chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn.

2. Yêu cầu

- Việc sử dụng quỹ đất đưa vào khai thác tạo nguồn thu phải đúng mục đích, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.
- Rà soát toàn bộ các thửa đất sử dụng kém hiệu quả, không đưa đất vào sử dụng, sử dụng không đúng mục đích; quỹ đất chưa sử dụng nằm xen kẽ trong khu dân cư để đưa vào khai thác, sử dụng tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.
- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác quỹ đất đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các quy định khác có liên quan.
- Đảm bảo ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong khu vực thu hồi đất; không để xảy ra khiếu nại, khiếu kiện trong quá trình thu hồi đất.

II. NGUỒN TẠO QUỸ ĐẤT

1. Đất Nhà nước thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013; thu hồi do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013; thu hồi do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013; *uit*

2. Đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước.

3. Đất do UBND xã, phường, thị trấn; Tổ chức phát triển quỹ đất được giao quản lý mà Nhà nước chưa giao hoặc cho thuê để sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Đất do các tổ chức được giao để quản lý theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013 được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao, cho thuê để sử dụng theo quy định của pháp luật.

III. CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

Tổng số khu đất dự kiến đưa vào Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024: 140 khu đất (tổng số khu đất do UBND cấp huyện khai thác thu tiền sử dụng đất là 122 khu, tổng số khu đất do UBND tỉnh khai thác thu tiền sử dụng đất là 18 khu); diện tích đưa vào khai thác 594.284,32 m²; số tiền dự kiến thu khoảng 1.594.015,5 triệu đồng.

(có Phụ biểu chi tiết kèm theo)

IV. NỘI DUNG, TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết

Trên cơ sở các khu đất đã được rà soát lập danh mục đưa vào khai thác, tiến hành rà soát sự phù hợp nhu cầu sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cập nhật, điều chỉnh bổ sung quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng; các Quy hoạch ngành có liên quan; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định, để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở cho các hộ gia đình cá nhân và đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng khu đô thị, khu dân cư, nhà ở thương mại

2.1. Đối với đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân và để lựa chọn nhà đầu tư

Quy trình thực hiện theo Luật đấu giá tài sản năm 2016; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp về việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Sơn La và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. wt

2.2. Đối với đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước

Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.3. Đối với hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án

Thực hiện theo Quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 28/5/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định một số nội dung về thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu dân cư, khu đô thị sử dụng vốn khác trên địa bàn tỉnh Sơn La thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các huyện, thành phố

1.1. Tổ chức lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền Chương trình phát triển đô thị thuộc địa bàn quản lý; lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; đề xuất danh mục dự án nhà ở trình Sở Xây dựng thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch nhà ở hàng năm làm cơ sở triển khai thực hiện.

1.2. Tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 đối với các đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện theo quy định.

1.3. Lập danh mục thu hút đầu tư; danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo thẩm quyền.

1.4. Thẩm định, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án theo thẩm quyền.

1.5. Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án được UBND tỉnh giao là bên mời thầu.

1.6. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn.

1.7. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất theo thẩm quyền.

1.8. Xác định giá khởi điểm, phê duyệt (*trong trường hợp giá khởi điểm do UBND các huyện, thành phố quyết định*) để làm cơ sở thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

1.9. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá đảm bảo tuân thủ các quy định về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường. m

và các quy định khác có liên quan. Xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai theo thẩm quyền.

1.10. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) tiến độ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (*chi tiết đến từng lô, thửa, diện tích, giá khởi điểm, giá đấu giá...*); những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất trước ngày 20 của tháng cuối quý hoặc đột xuất (*nếu cần*).

2. Sở Xây dựng

2.1. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố rà soát, đề xuất danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu dân cư, khu đô thị trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở làm cơ sở triển khai thực hiện.

2.2. Đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng và điều chỉnh quy hoạch xây dựng làm cơ sở triển khai thực hiện.

2.3. Thẩm định dự án, thẩm định hồ sơ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2.4. Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án được UBND tỉnh giao là bên mời thầu.

2.5. Phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

3.1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai quy trình bán đấu giá tài sản, xác định giá khởi điểm đấu giá tài sản đối với các cơ sở nhà, đất là tài sản công, triển khai quy trình bán theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.2. Đôn đốc các tổ chức, cá nhân trúng đấu giá đất công, tài sản công, thực hiện nộp tiền trúng đấu giá đối với các khu đất triển khai quy trình bán theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kết quả thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của các huyện, thành phố.

3.4. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tháo gỡ vướng mắc liên quan đến lĩnh vực tài chính thuộc trách nhiệm của Ngành trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

4.1. Chủ trì thẩm định hồ sơ trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; kết quả lựa chọn nhà đầu tư. *wt*

4.2. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án có sử dụng đất.

4.3. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

5.1. Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện; phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh; quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.

5.1. Chủ trì xây dựng phương án giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá, giá giao đất, cho thuê đối với các dự án lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất, gửi Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

5.2. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

5.3. Tham mưu, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện.

5.4. Chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án do UBND tỉnh giao nhiệm vụ.

5.5. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức trúng đấu giá, đấu thầu theo thẩm quyền.

5.6. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch với UBND tỉnh theo quy định.

6. Sở Tư pháp: Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tổ chức, hoạt động đấu giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

7. Cục Thuế tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc nộp tiền trúng đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất và các khoản thu khác của cá nhân, đơn vị trúng đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật.

8. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp và phát triển đô thị

8.1. Hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch, tiến độ theo các nội dung dự án đã được phê duyệt, đảm bảo sự kết nối đồng bộ và quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, kết nối hạ tầng giữa các wt

dự án trong giai đoạn đầu tư xây dựng cho đến khi hoàn thành việc bàn giao cho chính quyền địa phương. Tổng hợp, đề xuất và phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

8.2. Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án được UBND tỉnh giao là bên mời thầu.

9. Quỹ phát triển đất: Thẩm định hồ sơ vay vốn, trình Hội đồng quản lý quỹ phát triển đất xem xét, trình UBND tỉnh quyết định cho các huyện, thành phố hoặc Trung tâm phát triển quỹ đất ứng vốn để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất.

Quá trình tổ chức thực hiện có vướng mắc, khó khăn báo cáo về UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết./. *wt*



**BIỂU DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KHAI THÁC QUỸ ĐẤT ĐỀ TẠO NGUỒN THU TỪ ĐẤT NĂM 2024
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số **239** /QĐ-UBND ngày **05** / **02** /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Chỉ tiêu theo Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024												Ghi chú
	Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	MĐ theo hiện trạng	Mục đích theo QH	QH-KH Sử dụng đất	Tổng diện tích khu đất (m ²)	Diện tích đã giải phóng mặt bằng (m ²)	Diện tích đưa vào khai thác (m ²)	Dự kiến thời gian đưa ra đấu giá	Dự kiến giá 1 m ² (triệu đồng)	Dự kiến số tiền thu từ đấu giá (triệu đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Tổng cộng	140				1.533.293		594.284,32			1.594.015,52		
	Ngân sách thu về UBND huyện	122				950.394,9		371.430,82			1.117.140,71		
	<i>Chuyển tiếp năm 2023</i>	<i>87</i>				<i>848.335,80</i>		<i>247.313,21</i>			<i>776.319,53</i>		
	<i>Khu đất mới 2024</i>	<i>35</i>				<i>102.059,11</i>		<i>124.117,61</i>			<i>340.821,18</i>		
	Ngân sách thu về UBND tỉnh	18				582.898,50		222.853,50			476.874,81		
I	NGÂN SÁCH THU VỀ HUYỆN	122				950.394,9		371.430,8			1.117.140,71		
L1	HUYỆN QUỲNH NHAI	16				112.452,50	112.452,50	85.288,90			9.293,40		
A	<i>Khu đất chuyển tiếp năm 2023</i>	<i>16</i>				<i>112.452,5</i>	<i>112.452,5</i>	<i>85.288,9</i>			<i>9.293,4</i>		
1	Đầu giá các thửa đất còn lại tại Phiêng Lanh	Xã Mường Giàng	CSD	ODT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	2.500,0	2.500,0	1.000,0	Quý 1,2,3,4	1,08	1.080,00		
2	Đầu giá các thửa đất còn lại tại Phiêng Nèn	Xã Mường Giàng	CSD	ODT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	708,0	708,0	708,0	Quý 1,2	1,08	764,64		
3	Khu đất dọc Quốc lộ 279 Từ đầu cầu số 2 đến nghĩa trang nhân dân huyện Quỳnh Nhai (X4, X5, X7)	Xã Mường Giàng	CSD+NN	ODT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	6.909,0	6.909,0	1.000,0	Quý 1,2,3,4	1,50	1.500,00		
4	Khu Trung tâm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	CSD	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	1.000,0	1.000,0	1.000,0	Quý 3,4	1,20	1.200,00		
5	Khu đất ở ODC -33 và ODC-34 đối diện chợ trung tâm (còn 06 thửa)	Xã Mường Giàng	CSD	ODT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	500,5	500,5	500,5	Quý 1,2,3,4	1,54	770,8		
6	Khu Trung tâm xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	CSD	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	557,7	557,7	150,0	Quý 1,2,3,4	0,81	121,5		
7	Khu đất ở tại đầu cầu pả uôn xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	CSD	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	2.796,1	2.796,1	350,0	Quý 1,2,3,4	0,32	112,0		
8	Đầu giá Khu trung tâm xã Mường Chiên	Xã Mường Chiên	CSD	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	614,8	614,8	614,8	Quý 3,4	0,30	184,4		
9	Khu đất Ngã ba xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	CSD	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	2.656,3	2.656,3	555,5	Quý 2, 3,4	1,20	666,6		
10	Đầu giá cho thuê đất TMDV xóm 4 xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	CSD	TMDV	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	2.300,0	2.300,0	2.300,0	Quý 4	0,02	46,00		
11	Đầu giá đất ở khu X8 xóm 1, xã Mường Giàng (15 thửa còn lại)	Xã Mường Giàng	Cây xanh	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	705,4	705,4	705,4	Quý 3,4	1,500	1.058,10		
12	Khu đất ở dọc đường QL 279 từ Trám biển áp (quán Nguyệt Nga cũ) đến đầu cầu Pả Uôn xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	CSD	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	5.000,0	5.000,0	1.000,0	Quý 1,2,3,4	0,320	320,0		
13	Đầu giá thuê đất thương mại dịch vụ bản Pả Uôn (đầu cầu) khu 1	Xã Mường Giàng	NN	TMDV	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	49.000,0	49.000,0	49.000,0	Quý 4	0,001	49,0		
14	Đầu giá khu đất thương mại, dịch vụ bản Khoang	Xã Pả Ma Pha Khe	CSD	TMDV	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	22.704,7	22.704,7	22.704,7	Quý 4	0,0005	11,4		
15	Đầu giá thuê đất thương mại dịch vụ bản Pả Uôn (đầu cầu) khu 2	Xã Mường Giàng	CSD	TMDV	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	3.000,0	3.000,0	3.000,0	Quý 1,2	0,003	9,0		
16	Đầu giá đất ở khu dân cư đường số 11A bản Phiêng Nèn	Xã Mường Giàng	CSD	ONT	QHSD đất đến năm 2030, KHSD đất năm 2024	11.500,0	11.500,0	700,0	Quý 3,4	2,0	1.400,0		
B	Khu đất mới 2024	0				-	-	-			-		
L2	HUYỆN VĂN HỒ	16				45.332,7	30.231,7	80.558,40			80.558,40		
A	<i>Khu đất chuyển tiếp năm 2023</i>	<i>13</i>				<i>43.293,7</i>	<i>28.192,7</i>	<i>76.335,9</i>			<i>76.335,9</i>		
1	Lô số O-11.1 (Khu dân cư giáp khu giao đất đợt 4, mặt đường 9,5m khu trung tâm hành chính, chính trị huyện (04 lô))	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	2.717,0	2.717,0	988,0	Quý 2/2024	2,5	2.470,0		
2	Lô số O - 34 Quy hoạch chi tiết Trung tâm hành chính, chính trị huyện Văn Hồ (lô 24 giáp lô 17,18A)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	6.237,0	6.237,0	750,0	Quý 2/2024	2,5	1.875,0		
3	Lô số O - 40 (Lô 34, đất đối diện Trường PTDT nội trú)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	13.298,0	13.298,0	5.413,0	Quý 2/2024	3,0	16.239,0		

ut

STT	Chỉ tiêu theo Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024											Ghi chú
	Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	MĐ theo hiện trạng	Mục đích theo QH	QH-KH Sử dụng đất	Tổng diện tích khu đất (m2)	Diện tích đã giải phóng mặt bằng (m2)	Diện tích đưa vào khai thác (m2)	Dự kiến thời gian đưa ra đấu giá	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền thu từ đấu giá (triệu đồng)	
4	Lô số O - 07.2 (Lô số 2 khu đất đấu giá Trung tâm hành chính, chính trị đất 2 năm 2015)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	204,0	204,0	204,0	Quý 2/2024	4,5	918,0	
5	Lô số O - 07.1 (Lô số 15 khu giao đất đợt 2 cho cán bộ, công chức, viên chức)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	428,0	428,0	428,0	Quý 2/2024	3,5	1.498,0	
6	Lô số O - 07.1 (lô 13 khu giao đất đợt 2 cho cán bộ, công chức, viên chức)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	200,0	200,0	200,0	Quý 2/2024	3,5	700,0	
7	Lô số O - 23 (Lô 16, 27, 29 khu giao đất đợt 1 cho cán bộ, công chức, viên chức)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	757,0	757,0	757,0	Quý 2/2024	2,5	1.892,5	
8	Lô số O - 23 (Lô 36, 47 khu giao đất đợt 1 cho cán bộ, công chức, viên chức)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	555,0	555,0	555,0	Quý 2/2024	1,5	832,5	
9	Thửa đất số 11 khu giao đất cán bộ, công chức, viên chức đợt 3 ;	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	217,0	217,0	217,0	Quý 2/2024	2,5	542,5	
10	Thửa số 30 khu giao đất đợt 2 cho cán bộ, công chức, viên chức	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	203,0	203,0	203,0	Quý 2/2024	2,5	507,5	
11	Lô số O - 10.1 (13 thửa đất tiếp giáp với đường 23.5m, thuộc khu giao đất cho cán bộ, công chức, viên chức và các hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở để thực hiện các dự án khu trung tâm hành chính, chính trị huyện Văn Hồ.)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	2.133,3	2.133,3	2.133,3	Quý 3/2024	3,0	6.399,9	
12	Lô số O - 24 (Khu đất giao cho cán bộ công chức, viên chức theo quy định tại điểm e, Khoản 2, Điều 118 Luật đất đai năm 2013 tiếp giáp với đường 9,5 m)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	13.144,4	13.144,4	13.144,4	Quý 4/2024	2,5	32.861,0	
13	Lô số O - 24 (Khu đất giao cho cán bộ công chức, viên chức theo quy định tại điểm e, Khoản 2, Điều 118 Luật đất đai năm 2013 tiếp giáp với đường 13,5 m)	Xã Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	3.200,0	3.200,0	3.200,0	Quý 4/2024	3,0	9.600,0	
B	Khu đấu giá mới năm 2024	3				2.039,0		2.039,0			4.222,5	
1	Lô số 51 khu giao đất đợt 1 (Đất thu hồi do vi phạm về Luật đất đai Bà Đồ Thị Yên)	Bản Suối Lin, Văn Hồ	CSD	ONT	QHSD đất 2021-2030, KHSD đất năm 2023	289,0	289,0	289,0	Quý 2/2024	2,5	722,5	
2	Đấu giá đất khu trung tâm xã Liên Hòa	Bản Nôn, xã Liên Hòa	CSD	ONT		1.390,0	1.390,0	1.390,0	Quý 3/2024	2,0	2.780,0	
3	Khu đất của Trạm khuyến nông cũ	Bản Bó Mông, xã Tô Múa	CSD	ONT		360,0	360,0	360,0	Quý 3/2024	2,0	720,0	
L.3	HUYỆN PHÙ YÊN	6				489.476,9		3.975,0			26.637,5	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	5				488.526,9		3.025,0			22.837,50	
1	Khu đô thị Đông Đa, thị trấn Phù Yên	Thị trấn Phù Yên, xã Huy Hạ	ODT	ODT	QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La	15.240,0	15.240,0	1.800,0		10	18.000	
2	Khu đô thị Công viên 02/9 mở rộng (lô đất còn lại)	Xã Huy Bắc	ODT	ODT	QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La	4.249,6	4.249,6	300,0		9,6	2.880	
3	Khu đất gần trụ sở UBND xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi	BCS	ONT	QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La	540,0	540,0	425,0		1,5	638	
4	Chình trang phát triển khu dân cư bản Phố	Xã Huy Bắc	BCS	ODT	QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La	2.000,0	2.000,0	200,0		6	1.200	
5	Khu đất Trung tâm giáo dục lao động huyện (cũ)	xã Mường Thái	BHK, DCS, RSX	ONT	QĐ số 1592/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La	466.497,3	1.100,0	300,0		0,4	120	
B	Khu đất mới 2024	1				950,0	-	950,0		4,0	3.800,0	
1	Khu đất chợ thực phẩm tươi sống (các lô đất còn lại)	Xã Huy Bắc	ODT	ODT		950,0		950		4,0	3.800	
L.4	HUYỆN MAI SON	9				23.504,0		15.288,0			36.000,0	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	5				21.922,0		13.706,0			16.500,0	
1	Khu dân cư tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn	xã Cò Nòi		ONT	Phù hợp	9.116,0	9.116,0	3.000,0			1.500,00	

ut

STT	Chỉ tiêu theo Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024											Ghi chú
	Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	MĐ theo hiện trạng	Mục đích theo QH	QH-KH Sử dụng đất	Tổng diện tích khu đất (m2)	Diện tích đã giải phóng mặt bằng (m2)	Diện tích đưa vào khai thác (m2)	Dự kiến thời gian đưa ra đấu giá	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền thu từ đấu giá (triệu đồng)	
2	Khu tái định cư dự án Trường mầm non Chiềng tr. Hành chính huyện và các dự án khác	TT Hát Lót		ODT	Phù hợp	5.100,0	5.100,0	2.000,0			4.000,00	
3	Khu đất quy hoạch bên xe xã Mường Chanh	xã Mường Chanh		ONT	Phù hợp	1.657,0	1.657,0	1.657,0			2.000,00	
4	Lô 7A khu đô thị mới Cò Nòi (Chợ xép)	xã Cò Nòi		ONT	Phù hợp	3.635,0	3.635,0	3.635,0			7.000,00	
5	Khu tái định cư ngã ba Cò Nòi huyện Mai Sơn (tượng đài)	xã Cò Nòi		ONT	Phù hợp			1.000,0			2.000,00	
B	Khu đất mới 2024	4				1.582,0		1.582,0			19.500,00	
1	Khu đất tại trường THPT tiểu khu Nà Sán,	xã Hát Lót		ONT	Phù hợp	752,0	752,0	752,0			2.500,00	
2	Đổi thuê Cò Nòi (cũ)	Xã Cò Nòi				80,0	80,0	80,0			1.000,00	
3	Khu đất TK 17	TT Hát Lót		ODT	Phù hợp	750,0	750,0	750,0			1.000,00	
4	Chuyển đổi mục đích, cấp quyền sử dụng đất	Các xã, thị trấn									15.000,00	
L5	HUYỆN BẮC YÊN	3				13.167,00		4.667,00			5.900,00	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	3				13.167,0		4.667,0			5.900,0	
1	Điểm dân cư bản Tân Cuông, xã Tạ Khoa	Bản Tân Cuông, xã Tạ Khoa	LUC	ONT		1.479,2	1.479,2	1.479,2			2.000,0	chuyển tiếp từ năm 2021
2	Điểm dân cư bản Chạng xã Mường Khoa	Bản Chạng, xã Mường Khoa	LUC	ONT		1.187,8	1.187,8	1.187,8			1.300,0	chuyển tiếp từ năm 2021
3	Khu dân cư bản Phúc	Bản Phúc, xã Mường Khoa	LUC	ONT		10.500,0		2.000,0		1,3	2.600,0	
B	Khu đất mới năm 2024	0										
L6	HUYỆN YÊN CHÂU	4				9.404,4		9.404,4			69.896,95	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	3				9.019,4		9.019,4		33,1	69.126,9	
1	Khu dân cư Yên Thi	Bản Yên Thi, xã Lóng Phiêng		ONT		8.497,4		8.497,4		7,478	63.546,045	
2	Khu dân cư Tiểu khu 1	Tiểu khu 1 thị trấn Yên Châu		ODT		134,0		134,0		17,177	2.302	
3	Khu dân cư lương thực tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu	Tiểu khu 1 thị trấn Yên Châu		ODT		388,0		388,0		8,452	3.279,18	
B	Khu đất mới 2024	1				385,0		385,0			770,0	
1	Khu lương thực cũ Chiềng Đông	Bản Luông Mé, xã Chiềng Đông		ONT		385,0		385,0		2,0	770,0	
L7	THÀNH PHỐ SON LA	17				78.361,8		36.136,6			475.367,76	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	11				71.012,2		28.787,0			395.194,8	
1	Khu tái định cư Trường trung cấp Luật Tây Bắc, phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh	ODT, LUC, HNK	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022	2.545,0		2.545,0		4,1	10.510,9	
2	Khu quy hoạch dân cư lô số 4B, kè suối Nặm La, phường Chiềng Lê	Phường Chiềng Lê		ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022			1.062,0		11,2	11.894,5	
3	Khu tái định cư Noong Đúc, phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh		ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022			75,0		8,5	637,5	
4	Khu quy hoạch dân cư lô số 6B, kè suối Nặm La, phường Chiềng An	Phường Chiềng An	ODT, LUC, HNK	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022	719,4		283,8		12,0	3.405,6	
5	Khu quy hoạch dân cư Ngã tư Quyết Thắng, bản Buồn, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	ODT, LUC, HNK	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022	391,9		103,6		6,0	621,6	
6	Khu Trung tâm hành chính Văn hóa Phật giáo	Phường Chiềng Sinh	ODT, LUC, HNK	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022	413,3		413,3		6,0	2.479,8	
7	Chợ Bản Cọ	Phường Chiềng An	Đất chợ	DCH	Trong danh mục KHSD năm 2022	2.203,0		2.203,0		0,140	308,4	
8	Chợ Noong Đúc	Phường Chiềng Sinh	Đất chợ	DCH	Trong danh mục KHSD năm 2022	2.020,0		2.020,0		5,200	10.504,0	
9	Khu dân cư hạ tầng 1A, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	ODT, LUC, HNK	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022	60.000,0		17.361,7		19,3	335.795,3	
10	Thửa đất số 01 thuộc lô đất quy hoạch đất dịch vụ hỗn hợp có ký hiệu HH-14 tại tổ 5, phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh	DTS	TMD	Trong danh mục KHSD năm 2022	1.916,7		1.916,7		7,0	13.416,9	

STT	Chỉ tiêu theo Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024											Ghi chú
	Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	MĐ theo hiện trạng	Mục đích theo QH	QH-KH Sử dụng đất	Tổng diện tích khu đất (m2)	Diện tích đã giải phóng mặt bằng (m2)	Diện tích đưa vào khai thác (m2)	Dự kiến thời gian đưa ra đấu giá	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền thu từ đấu giá (triệu đồng)	
11	Thửa đất số 02 thuộc lô đất quy hoạch đất dịch vụ hỗn hợp có ký hiệu HH-14 tại tổ 5 phường Chiềng Bính	Phường Chiềng Bính	DTS	TMD	Trong danh mục KHSD năm 2022	802,9		802,9		7,0	5.620,3	
B	Khu đất mới 2024					7.349,6		7.349,6			80.172,98	
1	Khu đất thu hồi của Công ty cổ phần sách thiết bị trường học Sơn La	Phường Tô Hiệu	ODT	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2023	59,61		59,61		18,00	1.073,0	
2	Xây dựng hạ tầng khu đất khu đất giáp tuyến đường quy hoạch 25m từ ngã tư Quyết Thắng - bản Buôn đến ngã tư đường Hoàng Quốc Việt	Phường Chiềng Cơi			Trong danh mục KHSD năm 2023	2790,0		2.790,0		15,0	41.850,0	
3	Dự án Khu dân cư Đại Thắng	Phường Quyết Tâm			Trong danh mục KHSD năm 2023	4500,0		4.500,0		4,5	20.250,0	
4	Các thửa đất nhỏ hẹp dôi dư sau khi thực hiện dự án	Thành phố			Trong danh mục KHSD năm 2023						2.000,0	
5	Các khu đất sau khi sắp xếp lại tài sản công	Thành phố			Trong danh mục KHSD năm 2023						5.000,0	
6	Các thửa đất sạch trên địa bàn thành phố	Thành phố			Trong danh mục KHSD năm 2023						10.000,0	
1.8	HUYỆN THUẬN CHÂU	15				60.014,0	7.448,0	60.014,0	-	-	70.580,0	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	6				5.353,0	5.353,0	5.353,0			12.235,0	
1	Khu đất Công ty cổ phần thương mại Thuận Quỳnh thuê tại Bon Phặng	Bon Phặng	CSK	ONT		360	360	235	Quý I	1,5	1.089	
2	Kiot chợ cũ thị trấn Thuận Châu	Thị trấn	DCS	ODT		98	98	98	Quý I	27	2.646	
3	Khu đất tại thôn 1, xã Tông Lanh	Tông Lanh	DCS	ONT		80	80	80	Quý II	15	1.200	
4	Khu đất tại Trung tâm xã Co Ma	Co Ma	DCS	ONT		500	500	500	Quý II	0,8	400	
5	Khu đất đại học Tây Bắc (Lô đất ODL04)	Thị trấn	DCS	ONT		1.742	1742	1742	Quý I	3,9	6.900	
6	Khu đất cho thuê khu đất thể thao trong khu đất trường ĐH Tây Bắc cũ	thị trấn	DCS	DTT		3.111	3111	3111	Quý I			
B	Khu đất mới 2024	9				54.661,0	2.095,0	54.661,0	-		58.345,0	
1	Khu đất đại học Tây Bắc (Lô đất ODL01, ODL02, ODL03)	Thị trấn	DCS	ONT		2.095	2095	2.095	Quý III	2,4	5.058	
2	Khu đất tại bản Sen To, xã Tông Lanh	Xã Tông Lanh	NHK	ONT		6.853		6.853	Quý IV	0,84	5.750	
3	Khu đất tại xã Thôn Môn	Xã Thôn Môn	CLN, LUC	ONT		2.376		2.376	Quý IV	0,51	1.222	
4	Khu đất Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã É Tông (Lô đất ODL 01)	Xã É Tông	NTS	ONT		1.248		1.248	Quý IV	0,70	870	
5	Khu đất tại xã Phông Lãng	xã Phông Lãng	Đất 5% xã và LUC, NTS	ONT		2.479		2.479	Quý IV	3,50	8.670	
6	Khu đất tại xã Phông Lái	Xã Phông Lái	CLN, NHK	ONT		14.568		14.568	Quý IV	1,05	15.290	
7	Khu đất tại xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	LUC, NHK, NTS	ONT		6.396		6.396	Quý IV	0,98	6.260	
8	Khu đất tại xã Bon Phặng	Xã Bon Phặng	CLN, NHK	ONT		9.416		9.416	Quý IV	1,13	10.610	
9	Khu đất tại xã Mường É	Xã Mường É	NTS	ONT		9.230		9.230	Quý III	0,5	4.615,00	
1.9	HUYỆN MƯỜNG LA	13				58.074,90		58.074,90			35.030,07	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	13				58.074,9		58.074,9			35.030,07	
1	Đầu giá khu đất cửa hàng vật tư cũ tại bản Văn Minh, xã Mường Bú	Xã Mường Bú	DCS	ONT		522,0		522,0	Quý II năm 2024	3,5	1.838,00	
2	Đầu giá đất khu đối diện Trung tâm Chính trị (TK1)	Thị trấn Ít Ong	DCS	ODT		370,3	370,3	370,3	Quý II năm 2024	2,5	925,75	
3	Đầu giá khu đất SKC 04 (khu đất kho nòn)	Thị trấn Ít Ong	DCS	ODT		126,6	126,6	126,6	Quý II năm 2024	7,5	949,50	
4	Đầu giá Khu đất bãi bản cũ, tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong	Thị trấn Ít Ong	DCS	ODT		90,0	90,0	90,0	Quý II năm 2024	2,0	180,00	
5	Đầu giá đất kho lương thực Sơn La (cũ) tại tiểu khu 1, thị trấn Ít Ong	Thị trấn Ít Ong	DCS	ODT		528,0	528,0	528,0	Quý II năm 2024	6,8	3.590,40	
6	Đầu giá khu đất giáp trụ sở Công an xã Mường Bú	xã Mường Bú	DCS	ONT		1.500,0	1.500,0	1.500,0	Quý II năm 2024	2,7	4.050,00	
7	Đầu giá khu đất Tắt Pát thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	DCS	ODT		4.050,0		4.050,0	Quý II năm 2024	1,0	4.050,00	

STT	Chi tiêu theo Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024											Ghi chú
	Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	MĐ theo hiện trạng	Mục đích theo QH	QH-KH Sử dụng đất	Tổng diện tích khu đất (m2)	Diện tích đã giải phóng mặt bằng (m2)	Diện tích đưa vào khai thác (m2)	Dự kiến thời gian đưa ra đấu giá	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền thu từ đấu giá (triệu đồng)	
8	Đầu giá khu đất bán Giang cũ, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	DCS	ODT		6.600,0		6.600,0	Quý II năm 2024	1,0	6.600,00	
9	Đầu giá khu đất ưu đãi xây dựng công trình thủy điện Huổi Quang tại xã Chưeng Lao, huyện Mường La	xã Chưeng Lao	DCS	ONT		10.200,0		10.200,0	Quý II năm 2024	0,6	6.120,00	
10	Đầu giá khu đất bán Lơ cũ, xã Pi Toong, huyện Mường La	xã Pi Toong	DCS	ONT		3.450,0		3.450,0	Quý II năm 2024	0,1	345,00	
11	Đầu giá cho thuê đất Khu đất cạnh nghĩa trang liệt sỹ huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	DCS	SKC		2.238,0	2.238,0	2.238,0	Quý II năm 2024	0,1	201,42	trên 1 năm
12	Đầu giá cho thuê đất thương mại dịch vụ khu đất gần trụ sở làm việc Công ty thủy điện Sơn La thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	DCS	TMD		28.000,0	28.000,0	28.000,0	Quý II năm 2024	0,035	980,00	trên 1 năm
13	Đầu giá khu đất bán xe cũ, Tiểu khu 2, Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	DCS	ODT		400,0		400,0	Quý II năm 2024	13,0	5.200,00	
B	Khu đất mới 2024											
I.10	HUYỆN MỘC CHÂU	12				25.238,60		51.428,00			209.759,95	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2023	6				13.808,6	11.916,7	3.998,00			89.079,95	
1	Khu nhà ở Thảo Nguyên (Khu đất CTCP Đầu tư xây dựng Mộc Châu trả lại)	Tiểu khu 3/2, thị trấn NT Mộc Châu		ODT		5.347,70	3.778,30	2.000,00	Quý II	15,10	30.200,0	
2	Khu đất ở 02 bên tuyến đường từ Quốc lộ 6 đi Quốc lộ 43 phía sau Khách sạn Mường Thanh, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu 3/2, tiểu khu Nhà Nghỉ thị trấn NT Mộc Châu		ODT		8.062,90	8.062,90	1.600,00	Quý II	30,20	48.320,0	
3	Khu đất Hội Thọ, bản Tự Nhiên	Bản Tự Nhiên, xã Đông Sang		ONT		322,50		322,5	Quý III	5,10	1.644,8	
4	Thửa đất thu hồi của ông Lê Đại Hưng tại TK 77, TTNT Mộc Châu	Tiểu khu 77, thị trấn NT Mộc Châu		ODT		46,00	46,00	46,00	Quý III	9,00	414,0	
5	Thửa đất thu hồi khu đất đồn Mộc Ly (thửa đối dư)	Tiểu khu 12, thị trấn Mộc Châu		ODT		29,50	29,50	29,50	Quý III	7,00	206,5	
6	Trung tâm hành chính mới	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu				620,9	620,9	620,9	Quý II		8.294,70	
B	Khu đất mới 2024	6				11.430,0		47.430,00			120.680,00	
1	Khu đất ở 02 bên tuyến đường từ Quốc lộ 6 đầu nối vào Trường THPT Thảo Nguyên, tiểu khu Cấp 3, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (Phía đối diện khu đất đã đấu giá)	Tiểu khu Cấp 3, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		ODT		2.600,00		2.600,00	Quý IV	10,00	26.000,0	
2	Khu dân cư tiểu khu 66, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu 66, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		ODT		830,00		830,00	Quý IV	8,00	6.640,0	
3	Khu trung tâm hành chính huyện (giai đoạn 4, giáp huyện đối)	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu		ODT		8.000,00		8.000,00	Quý IV	3,13	25.040,0	
4	Khu trung tâm hành chính huyện, tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu (Đối diện khách sạn Sao Xanh và toà nhà Đông Dương, cạnh và sau khu trung tâm tổ chức sự kiện 389)	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu		ODT		15.000,00		15.000,00	Quý IV	1,50	22.500,0	
5	Khu đất Quy hoạch xây dựng Bến xe khách, chợ đầu mối và khu dân cư tiểu khu Vườn Đào, TTNT Mộc Châu (Quy hoạch khu dân cư)	Tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		ODT		4.562,00		2.000,00	Quý IV	6,00	12.000,0	
6	Khu trung tâm hành chính huyện, tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu (Lô đất ODO54, đối diện Trụ sở Trung tâm y tế huyện)	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu		ODT		19.000,00		19.000,00	Quý IV	1,50	28.500,0	
I.11	HUYỆN SỚP CỘP	5				4.710,60		4.710,60			34.700,38	
A	Khu đất chuyển tiếp năm 2022	2				3.539,6		3.539,6			23.894,68	
1	Khu điểm sắp xếp dân cư trung tâm hành chính huyện	Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp	ODT	ODT	OD1	2.781,60		2.781,60	Quý II đến quý IV	7,80	21.696,48	

mf

Chỉ tiêu theo Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024												
STT	Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	MĐ theo hiện trạng	Mục đích theo QH	QH-KH Sử dụng đất	Tổng diện tích khu đất (m ²)	Diện tích đã giải phóng mặt bằng (m ²)	Diện tích đưa vào khai thác (m ²)	Dự kiến thời gian đưa ra đấu giá	Dự kiến giá 1 m ² (triệu đồng)	Dự kiến số tiền thu từ đấu giá (triệu đồng)	Ghi chú
2	Khu hạ tầng dân cư tâm trường cũ	Bản Sốp Năm, xã Sốp Cộp	ODT	ODT	ODT	758,00		758,00	Quý II đến quý IV	2,90	2.198,20	
B	Khu đất mới 2023	3				1.171,00		1.171,00			10.805,70	
1	Khu điểm sắp xếp dân cư trung tâm hành chính huyện	Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp	ODT	ODT	ODT	1.171,00		1.171,00	Quý II đến quý IV	6,70	7.845,70	
2	Đầu giá Khu dân cư ngã ba đường đi Mường Và (giáp trung tâm Y tế)	Bản Sốp Năm, xã Sốp Cộp	ODT	ODT	ODT	650,00		650,00	Quý II đến quý IV	4,00	2.600,00	
3	Đầu giá Khu giáp nhà ông Tí (Bản Sốp Cộp)	Bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp	ODT	ODT	ODT	120,00		120,00	Quý II đến quý IV	3,00	360,00	
L.12	HUYỆN SỐNG MÃ	6				30.657,50		12.211,70			63.416,30	
A	Khu đất chuyển tiếp 2023	4				8.166,0		3.661,7			20.891,3	
1	Khu đất thương mại - Dịch vụ TM05	Bản trại giống xã Nà Nghiu	CSD	TMD		336,0		336,0			10,10	
2	Khu dân cư tổ 4, thị trấn Sông Mã	Tổ dân phố 4, thị trấn Sông Mã	DVH	ODT		330,0		330,8		8,5	2.811,8	
3	Khu dân cư tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã	Tổ dân phố 5, TT Sông Mã	DVH	ODT		500,0		500,0		6,2	3.100,0	
4	Khu 6, khu 9 thị trấn Sông Mã	Xã Nà Nghiu	ONT, LUC, CLN, NHK, NTS, SON, DGT, DGD, DTT	ONT		7.000,0		2.494,9		6,0	14.969,4	
B	Khu đất mới 2024	2				22.491,5		8.550,0			42.525,0	
1	Khu dân cư mới Hưng Mai tại xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã	xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã	NHK, LUC, CLN, NTS, ONT, DGT, DTL	ONT		20.491,5		7.550,0		5,5	41.525,0	
2	Dự án cải tạo mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bản Tiên Chung, xã Mường Sai	xã Mường Sai, huyện Sông Mã	NHK	ONT		2.000,0		1.000,0		1,0	1.000,0	
II	NGÂN SÁCH THU VỀ TỈNH	18				582.898,50		222.853,50			476.874,81	
II.1	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH	7				576.883,40		216.838,40			359.703,0	
II.1.1	THÀNH PHỐ SƠN LA	2				401.323,0		41.278,0			215.560,0	
1	Dự án thu hút đầu tư khu vui chơi giải trí tại Phiêng Khá, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Khu Phiêng Khá, bản Buôn, phường Chiềng Cơi	CSD	ODT+TMD		400.045		40.000,0			190.000,0	Đầu giá
2	Khu dân cư tổ 9, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Tổ 9, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	CSD	ODT		1.278,0		1.278,0			25.560,0	Đầu giá
II.1.2	HUYỆN VÂN HỒ	3				72.680,7		72.680,7			65.143,0	
1	Dự án Khu nhà ở hỗn hợp và Trung tâm thương mại huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ				38.011,0		38.011,0			40.000	Đầu giá
2	Dự án Chợ trung tâm huyện Vân Hồ	Tiểu khu Sao đỏ 2, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ				12.543,0		12.543,0			143,0	Đầu giá
3	Dự án khu thương mại dịch vụ (Tin dụng ngân hàng)	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ				22.126,7		22.126,7			25.000,0	Đầu giá
II.1.3	HUYỆN MAI SƠN	1				101.900,0		101.900,0			70.000,0	
1	Nghĩa trang nhân dân huyện Mai Sơn	Xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn				101.900		101.900,0			70.000,0	Đầu giá
II.1.4	HUYỆN YÊN CHÂU	1				979,7		979,7			9.000,0	
1	Khu nhà ở Hương Xoài	Thị trấn Yên Châu				979,7		9.000,0			9.000,0	Đầu giá
II.2	ĐẦU THẦU DỰ ÁN CỎ SỬ DỤNG ĐẤT	1				382,0		382,0			1.086,8	
1	Khu đô thị bản Buôn, bản Mé, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Bản Buôn, bản Mé	ODT, CLN	ODT, DKV		382		382			1.087	Giao đất đợt 3 cho nhà đầu tư

wt

STT	Chi tiêu theo Kế hoạch khai thác quỹ đất năm 2024											Ghi chú
	Tên khu đất	Địa điểm khu đất	MD theo hiện trạng	Mục đích theo QH	QH-KH Sử dụng đất	Tổng diện tích khu đất (m2)	Diện tích đã giải phóng mặt bằng (m2)	Diện tích đưa vào khai thác (m2)	Dự kiến thời gian đưa ra đấu giá	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền thu từ đấu giá (triệu đồng)	
II.3	ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN MỚI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG											
II.3.1	HUYỆN PHÙ YÊN											
1	Nhà khách UBND huyện (cũ)	Đieu khu 4	TSC	ODT	QĐ 1730/QĐ-UBND ngày 08/9/2023	719,6	719,6	719,6			16.500,0	Đã hủy bỏ kết quả đấu giá 2023
II.3.2	HUYỆN MAI SƠN											
1	Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Mai Sơn (cũ)	Thị trấn	TSC	ODT	QĐ 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	623,0	623,0	623,0			18.500,0	
II.3.3	HUYỆN BẮC YÊN											
1	Khu đất Nhà văn hóa bán Phiêng Ban 2 cũ	Bán Phiêng Ban 2	DVH	ONT		214	214	214			642,0	
2	Khu đất Nhà văn hóa bán Phiêng Ban 3 cũ	Bán Phiêng Ban 3	DVH	ONT		225	225	225			674,0	
II.3.4	THÀNH PHỐ SƠN LA											
1	Trụ sở cũ Chi cục Kiểm lâm đường Lò Văn Giá, thành phố Sơn La	đường Lò Văn Giá	TSC	TM DV	Trong danh mục KHSD năm 2022	1.081,0	1.081,0	1.081,0			20.000	
2	Trụ sở làm việc (cũ) Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	đường Chu Văn Thịnh	TSC	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022	213,0	213,0	213,0			11.000	
3	Nhà văn hóa tổ 5, phường Tô Hiệu	phường Tô Hiệu	DVH	ODT	Trong danh mục KHSD năm 2022	70,5	70,5	70,5		18,0	1.269,0	
II.3.5	HUYỆN THUẬN CHÂU											
1	Trạm khuyến nông xã Phông Lái, huyện Thuận Châu	Xã Phông Lái	TSC	ONT		150,0	150,0	150,0			1.500,0	
II.3.6	HUYỆN MỘC CHÂU											
1	Trụ sở (cũ) Chi cục Thuế huyện Mộc Châu	Tiểu khu 4	TSC	TMD		1.072,00	1.072,00	1.072,00			29.000,0	Đã tổ chức đấu giá 3 lần không thành công
II.3.7	HUYỆN SÔNG MÃ											
1	Khu đất Phòng Giáo dục và Đào tạo (Cũ) huyện Sông Mã	Tổ dân phố 5, TT Sông Mã	TSC	ODT		1.265,0	1.265,0	1.265,0			17.000,0	Đã hủy bỏ kết quả đấu giá 2023

mt